

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày: 26-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tứ Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Ngô Văn N; sinh năm 1978 tại C - H; nơi cư trú: Tổ 9, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Bá F và bà Nguyễn Thị Y (đã chết); có vợ là Lâm Thị Phương I; bị cáo có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/6/2018 đến ngày 19/6/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo được tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/02/1996 tại A - Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 10, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Q, không xác định được cha đẻ; có vợ là Lê Thị Mỹ P, bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/6/2018 đến ngày 19/6/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo được tại ngoại; có mặt.

- **Bị hại:** Công ty Cổ phần S; địa chỉ trụ sở : 02 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Z, tỉnh Z.

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại:** Ông Nguyễn Xuân G, sinh năm 1977, chức vụ; Phó Giám đốc Nhà máy Đường A thuộc Công ty Cổ phần S là người đại diện theo ủy quyền; địa chỉ: Tổ 13, phường O, thành phố Z, tỉnh Z; có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1965; trú tại: Tổ 10, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Hồ Văn X;
2. Nguyễn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 13/6/2018, Ngô Văn N là công nhân Nhà máy Đường A thuộc Công ty Cổ phần S nhận ca tu bổ tại Phân xưởng sản xuất đường. Khi N kiểm tra hoạt động của máy móc, T bị vận hành thì phát hiện giá đỡ hệ thống cáp điện có dây cáp loại 1C-204mm² không sử dụng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. N về phòng làm việc, lấy 01 lưới cửa sắt đến cắt 01 đoạn dây dài 28m rồi kéo luồn qua lỗ trống tại tường phía Nam phân xưởng ra ngoài. N tiếp tục kéo dây giấu tại rãnh thoát nước bể ri mật số 03 rồi điện thoại cho Nguyễn Văn T là công nhân đang làm khu vực hóa chế rử Thiết cùng tham gia trộm cắp tài sản. T đồng ý, cả hai hẹn gặp nhau tại bể ri mật số 03. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, N và T kéo đoạn dây từ bể ri mật đến hàng rào lưới B40 rồi đi ăn tối. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81G1-148.29 chạy ra bãi đất trống phía sau, để xe tại Trạm trộn bê tông rồi đi bộ đến nơi giấu đoạn dây. Lúc này N đi bộ đến nơi cùng T kéo dây cáp điện thì bị bảo vệ nhà máy là anh Hồ Văn X và anh Nguyễn D tuần tra phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 101/KLĐGTS ngày 18/6/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định: giá trị 01 đoạn dây cáp điện loại 1C-240mm² đã qua sử dụng, nặng 76k, dài 28m là 2.301.600đ (Hai triệu ba trăm lẻ một ngàn sáu trăm đồng).

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 01/QĐ-VKS ngày 10/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố các bị cáo Ngô Văn N và Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ngô Văn N và Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều h, i, s, khoản 1 Điều 51, Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo; xử phạt bị cáo Ngô Văn N từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị khấu trừ từ 10 đến 20% thu nhập của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động SONY, IMEL 1: 3521910725395563, IMEL 2 3521911072539571, của bị cáo Ngô Văn N và

01 chiếc điện thoại di động NOKIA, Seri 1: 357327088701632, Seri 2: 357331088127 của bị cáo Nguyễn Văn T.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 Sim Vitettel mặt sau có số: 8984, 04800, 88219, 37383 và 01 Sim Vinaphone mặt sau có số: 8984, 0200021825663997 lắp trong chiếc điện thoại di động SONY, IMEL 1: 3521910725395563, IMEL 2 3521911072539571 của bị cáo Ngô Văn N;

+ 01 Sim Mobifone mặt sau có số: 1171, 1331, 415516 lắp trong chiếc điện thoại di động NOKIA, Seri 1: 357327088701632, Seri 2: 357331088127 của bị cáo Nguyễn Văn T.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Q: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 81G1-148.29, số khung RLCS5C6HO GY 189944, số máy 5C6H-189966.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Xuân G là người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Vào ngày 13/6/2018 Tổ bảo vệ Nhà máy Đường A thuộc Công ty Cổ phần S phát hiện và bắt quả tang Ngô Văn N cùng Nguyễn Văn T trộm cắp 01 đoạn dây cáp điện loại 1C-240mm² dài 28m, trị giá 2.301.6000 đồng. Quá trình điều tra, Công ty Cổ phần S đã nhận lại tài sản bị mất, mặt khác do đoạn dây cáp này thuộc hệ thống cáp điện cũ không sử dụng nên không gây thiệt hại vật chất khác cho Công ty, vì vậy không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về dân sự. Ngoài ra, để xảy ra tình trạng mất tài sản một phần cũng xuất phát từ trách nhiệm quản lý, giáo dục công nhân của Công ty nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 13/6/2018 bị cáo Ngô Văn N và Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt của Nhà máy Đường A thuộc Công ty Cổ phần S 01 đoạn dây cáp điện loại 1C-240mm² dài 28m trị giá 2.301.6000 đồng thì bị phát hiện và bắt quả tang. Vì vậy, đã đủ cơ sở tuyên bố các bị cáo Ngô Văn N và Nguyễn

Văn T phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo nên không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong đó, bị cáo Ngô Văn N đóng vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng và cũng là người thực hành tích cực nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Trên cơ sở đánh giá vai trò, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, các đặc điểm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[6] Về dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu về dân sự nên không xét.

[7] Về vật chứng:

Đối với hai chiếc điện thoại gồm: 01 chiếc điện thoại di động SONY, IMEL 1: 3521910725395563, IMEL 2 3521911072539571 của Ngô Văn N và 01 chiếc điện thoại di động NOKIA, Seri 1: 357327088701632, Seri 2: 357331088127 của Nguyễn Văn T là phương tiện mà các bị cáo sử dụng để trao đổi thông tin với nhau vì mục đích trộm cắp tài sản nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Riêng các sim trong hai chiếc điện thoại nói trên gồm: 01 Sim Vitettel mặt sau có số: 8984, 04800, 88219, 37383 và 01 Sim Vinaphone mặt sau có số: 8984, 0200021825663997 của Ngô Văn N; 01 Sim Mobifone mặt sau có số: 1171, 1331, 415516 của Nguyễn Văn T không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Không có căn cứ xác định Nguyễn Văn T sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 81G1-148.29, số khung RLCS5C6HO GY 189944, số máy 5C6H-189966 làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, mặt khác chiếc xe này là tài sản của bà Nguyễn Thị Q nên trả lại cho bà Q.

Các vật chứng còn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý theo thẩm quyền nên không xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299; khoản 1, điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015

1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn N và Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

2. Xử phạt bị cáo Ngô Văn N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 06 (sáu) ngày bị tạm giữ bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 06 (sáu) ngày bị tạm giữ bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Ngô Văn N và Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập của các bị cáo Ngô Văn N và Nguyễn Văn T trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại di động SONY, IMEL 1: 3521910725395563, IMEL 2 3521911072539571 của bị cáo Ngô Văn N;

+ 01 chiếc điện thoại di động NOKIA, Seri 1: 357327088701632, Seri 2: 357331088127 của bị cáo Nguyễn Văn T.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 Sim Vitettel mặt sau có số: 8984, 04800, 88219, 37383 và 01 Sim Vinaphone mặt sau có số: 8984, 0200021825663997 lắp trong chiếc điện thoại di động SONY, IMEL 1: 3521910725395563, IMEL 2 3521911072539571 của bị cáo Ngô Văn N;

+ 01 Sim Mobifone mặt sau có số: 1171, 1331, 415516 lắp trong chiếc điện thoại di động NOKIA, Seri 1: 357327088701632, Seri 2: 357331088127 của bị cáo Nguyễn Văn T.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Q: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 81G1-148.29, số khung RLCS5C6HO GY 189944, số máy 5C6H-189966.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Ngô Văn N và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (26/7/2018), bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải